

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XM
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11-5-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Danh Tuất
2. Bà Ngô Thị Quốc Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2022/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp B, xã TL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).
2. Bị đơn: Ông Lê Thanh N, sinh năm 1979. Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã TL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chỗ ở hiện nay: Ấp 1, xã BL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17-02-2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Bà chung sống với ông Lê Thanh N vào năm 2006 và đến năm 2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 02/11/2016 (giấy chứng nhận kết hôn số 76/2016). Hôn nhân trên cơ

sở hoàn toàn tự nguyện, không ai mai mối, ép buộc. Sau khi kết hôn bà T và ông N chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N chơi cờ bạc, sỗ đề, nhậu nhẹt và còn hành hung, đánh đập bà T. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hòa giải và thông cảm bỏ qua cho nhau nhưng không thành, trái lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể nào khắc phục được. Cũng từ năm 2022 đến nay bà T và ông N không còn sống chung với nhau nữa, ông N về xã BL sinh sống tại nhà cô của ông N, còn bà T sống cùng con cái ở xã TL. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông N không còn nên bà xin ly hôn với ông N.

Về nuôi con chung: Bà T và ông N có 02 con chung là Lê Thanh Thái B, sinh ngày 19/4/2007 và Lê Thái N, sinh ngày 02/9/2012. Hiện các con chung đang sống cùng bà. Nếu ly hôn, bà có nguyện vọng nuôi các con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Thanh N:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N vẫn không đến Tòa án tham gia giải quyết, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung với ông N. Ông N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn ông N vắng mặt trong quá trình tố tụng là không chấp hành quy định theo các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị Thanh T yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Lê Thanh N nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn ông N có địa chỉ cư trú tại huyện XM nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh

Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân*: Bà T và ông N chung sống với nhau vào năm 2006 và đăng ký hôn vào ngày 02/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà T và ông N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông N chơi bời, không lo làm ăn, có lần còn hành hung bà T nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Theo bà T hôn nhân của bà và ông N không có hạnh phúc. Tại Tòa bà xác định không còn tình cảm với ông N nên yêu cầu được ly hôn.

Kết quả xác minh cho thấy: Bà T và ông N chung sống với nhau vào năm 2006 tại Ấp B, xã TL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông N chơi bời, cờ bạc, rượu chè và không lo làm ăn. Khoảng 01 năm nay ông N về Bà Lâm sinh sống, thi thoảng ông N có về Tân Lâm thăm con. Ông N và bà T có 02 con chung hiện đang ở với bà T.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa ông N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy bản thân ông N không có thiện chí mong muốn đoàn tụ vợ chồng.

Từ những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp; thực tế xác minh tại địa phương cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông N là có thật, theo chiều hướng kéo dài và trầm trọng, ông, bà đã thực sự không còn tình cảm với nhau, không chung sống cùng nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông N.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Bà T và ông N có 02 con chung là Lê Thanh Thái B và Lê Thái N. Sau khi ly hôn bà T có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ thời gian vợ chồng ly thân, các con sống ổn định cùng bà T, cháu Bảo và cháu Ngọc phát triển bình thường, đồng thời các cháu đều có nguyện vọng ở với bà T, do đó để tránh xáo trộn trong tâm lý, sinh hoạt của các cháu. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà T. Giao con chung Lê Thanh Thái B và Lê Thái N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về chia tài sản*: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Thanh T ly hôn ông Lê Thanh N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Thanh Thái B, sinh ngày 19/4/2007 và Lê Thái N, sinh ngày 02/9/2012 cho bà Phạm Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010807 ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thành

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**